

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2023/DS-PT

Ngày 18 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại về
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp “Bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 581/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lâm Văn N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lâm Tiến Đ, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 27 tháng 6 năm 2022 – có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Lâm Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số H, đường P, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 27 tháng 6 năm 2022 – có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị A – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị A, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lâm Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lâm Tiến Đ trình bày:

Ông Lâm Văn N có chuyển nhượng cho bà Lâm Thị T phần đất diện tích 2.918,7m² tại thửa 151, tờ bản đồ số 10 tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 06/5/2018, ông N và bà T ký hợp đồng đặt cọc. Ngày 10/5/2018, ông N giao cho bà T thửa đất trên để bà T canh tác. Thời điểm giao đất có 66 cây sầu riêng do ông N trồng. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên “Buộc ông N trả lại cho bà T số tiền đã nhận cọc 300.000.000 đồng và phạt cọc 300.000.000 đồng”. Sau khi hủy hợp đồng đặt cọc thì bà T trả lại đất cho ông N vào ngày 16/6/2022, trên đất có 62 cây sầu riêng. Từ khi nhận đất đến nay, bà T thu hoạch 01 năm 01 mùa sầu riêng, bình quân thu nhập 50.000.000 đồng/1.000m²/năm. Vậy, 2.918,7m², bà T thu hoạch từ năm 2018 đến năm 2022 là 150.000.000 đồng/năm $\times$ 4 năm = 600.000.000 đồng. Tại Bản án số 12/2018/DS-PT ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, trên phần đất này có 66 cây sầu riêng loại A so với biên bản định giá ngày 14/9/2022, hiện nay còn 44 cây sầu riêng loại A, giảm mất 22 cây sầu riêng loại A. Căn cứ biên bản định giá ngày 14/9/2022, 22 cây siêng loại A có giá 284.922.000 đồng.

Ông N yêu cầu bà Lâm Thị T bồi thường giá trị 22 cây sầu riêng loại A đã chết 284.922.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T hoàn trả tiền hoa lợi trên đất đối với 66 cây sầu riêng là 450.000.000 đồng.

Ông N rút lại yêu cầu buộc bà T trả lại phần đất diện tích 2.918,7m² thửa đất 151, tờ bản đồ số 10 tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lâm Thị T trình bày:

Bà và ông Lâm Văn N giao kết hợp đồng đặt cọc vào ngày 06/5/2018. Đến tháng 5/2019, bà nhận đất canh tác. Thời điểm nhận đất giữa bà và ông N trên đất có 44 cây sầu riêng còn sống và 22 cây sầu riêng đã chết. Bà có nói với ông N cho bà trồng thêm 22 cây sầu riêng thay thế 22 cây sầu riêng đã chết, ông N đồng ý. Hai bên thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ. Tháng 5/2020, bà trả đất lại cho ông N, giao trả bằng miệng không giấy tờ, có người chứng kiến là ông Nguyễn Văn Ng. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm, bà và ông N có lập biên bản giao nhận đất vào tháng 6/2022, trên đất có 62 cây sầu riêng.

Từ thời điểm tháng 5/2019 đến tháng năm 2020, khi bà giao trả đất cho ông N thì chi phí cải tạo đất, đặt ống tưới, thuê nhân công, cây giống, phân thuốc khoảng 83.000.000 đồng nhưng bà chỉ thu hoạch được một mùa sầu riêng 30.000.000 đồng. Đầu năm 2020, đất bị mặn không canh tác được.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của ông N bà không đồng ý. Bà đã giao trả đất thực tế cho ông N vào năm 2020. Sầu riêng bà đã bỏ chi phí 83.000.000 đồng nhưng thu hoạch chỉ được 30.000.000 đồng. Ông N không có chứng cứ gì chứng minh nguồn hoa lợi mỗi năm 150.000.000 đồng.

Đối với 22 cây sầu riêng loại A, vào thời điểm bà nhận đất 22 cây này đã chết, bà và ông N đều biết, bà đã trồng lại số cây con mới thay thế đồng thời có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Ng. Bà không đồng ý bồi thường giá trị 22 cây sầu riêng đã chết 284.922.000 đồng và hoàn trả tiền hoa lợi trên đất đối với 66 cây sầu riêng là 450.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T trình bày bà và ông N là anh em, ông N đang gặp hoàn cảnh khó khăn, bà tự nguyện hỗ trợ tiền hoa lợi cho ông N 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Ng trình bày:

Hợp đồng đặt cọc giữa ông Lâm Văn N và bà Lâm Thị T ông không có chứng kiến. Sau đó, ông N nhờ ông đến xem đất để ông N làm bằng khoán, xem đất để đo đạc nhưng do ông N chuyển nhượng hết thửa nên không cần đo đạc. Ngày 09/7/2019, ông N làm hợp đồng ủy quyền cho ông để làm hợp đồng chuyển nhượng. Ông N vi phạm hợp đồng 2 lần và ông N yêu cầu bà T đưa thêm số tiền 750.000.000 đồng nên ông mới biết ông N đã nhận cọc của bà T 300.000.000 đồng. Thời điểm chuyển nhượng có giá là 1.150.000.000 đồng nhưng có 22 cây sầu riêng đã chết ông N giảm còn 1.050.000.000 đồng, ký hợp đồng chuyển nhượng tháng 7/2019. Bà T nhận đất sau khi ông N nhận cọc, hai bên giao đất bằng miệng nên giao trả đất cũng bằng miệng. Ông là người được ủy quyền làm giấy đất nên ông chứng kiến việc giao trả đất giữa ông N và bà T vào tháng 5/2020. Tại phiên tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử có kêu bà T, ông Ng về làm giấy giao trả đất với ông N. Giao trả đất tháng 6/2022, khi hai bên trả đất ông không có chứng kiến. Bà T thu hoạch sầu riêng năm 2019 số tiền 30.000.000 đồng. Đến năm 2020 hạn mặn rồi xảy ra tranh chấp nên bà T trả đất lại cho ông N.

Bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 166, Điều 584, Điều 585, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N.

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N buộc bà Lâm Thị T trả lại phần đất diện tích 2.918,7m² thửa đất 151, tờ bản đồ số 10 tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu ông Lâm Văn N buộc bà Lâm Thị T hoàn trả tiền hoa lợi trên đất 450.000.000 đồng và bồi thường giá trị 22 cây sầu riêng loại A với số tiền 284.922.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị T hỗ trợ cho ông Lâm Văn N tiền hoa lợi trên đất 30.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, ông Lâm Văn N có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Lâm Thị T hoàn trả tiền hoa lợi trên đất 450.000.000 đồng và bồi thường 22 cây sầu riêng loại A với số tiền 284.922.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Nguyên đơn yêu cầu tiền hoa lợi trên đất 450.000.000 đồng và bồi thường giá trị 22 cây sầu riêng loại A là 284.922.000 đồng. Tổng số tiền bồi thường 734.922.000 đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ, bà T không có hành vi trái pháp luật dẫn đến 22 cây sầu riêng chết và thời điểm bà T nhận đất là sau khi cây chết. Năm 2020 nước mặn, đến tháng 5/2020 bà T trả đất cho ông N. Thời gian bà T nhận đất canh tác là 01 năm, bà T thu hoạch được một mùa 300.000.000 đồng mà phải bỏ ra chi phí cải tạo 83.000.000 đồng. Tiền chi phí này cao hơn tiền thu lợi của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Ông N không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà T gây thiệt hại 22 cây sầu riêng loại A và thiệt hại hoa lợi trên đất là 150.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông N buộc bà Lâm Thị T trả lại phần đất diện tích 2.918,7m² thửa đất 151, tờ bản đồ số 10 tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng không giải quyết hậu quả của việc đình chỉ là ông không có quyền kiện lại là có thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Lâm Văn N nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án sơ thẩm xác định “Bồi thường thiệt hại về tài sản” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông N yêu cầu triệu tập người làm chứng là ông Lâm Dạ N₁, người được ông N thuê chăm sóc vườn trước khi bán cho bà T nên biết rõ về tình trạng cũng như số lượng cây và sản lượng vườn sầu riêng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc triệu tập thêm người làm chứng là không cần thiết và không làm thay đổi nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Lâm Văn N yêu cầu bà Lâm Thị T bồi thường giá trị 22 cây sầu riêng loại A đã chết với số tiền 284.922.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Biên bản định giá ngày 12/4/2017 trong hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 83/2017/TLPT-HNGĐ ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Đồng thời, Bản án số 12/2018/DS-PT ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, nhận định trên phần đất thửa 151, diện tích 2.918,7m² có 66 cây sầu riêng loại A. Tuy vậy, thời điểm ông N giao đất cho bà T theo thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/5/2018, không có chứng cứ có 66 cây sầu riêng loại A trên đất. Trong khi đó, các nhân chứng ông Huỳnh Văn D, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn An T và ông Nguyễn Văn Ng cho biết trên đất có hơn 20 cây sầu riêng đã chết khi bà T nhận đất canh tác từ ông N và bà T đã trồng lại hơn 40 cây con, nay số cây con này đã lớn và còn sống 23 cây con. Đồng thời, khi bà T nhận đất có 22 cây sầu riêng đã chết được ông Nguyễn Văn Ng kiểm đếm trực tiếp và có báo cho ông N và bà T biết. Mặc dù, giữa ông N và bà T đã không tiếp tục thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng ông N không có chứng cứ chứng minh bà T có hành vi gây thiệt hại 22 cây sầu riêng loại A, trị giá 284.922.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông về việc yêu cầu bà T trả giá trị 22 cây sầu riêng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện bà T hoàn trả tiền thu hoạch 66 cây riêng từ năm 2018 đến năm 2022 với số tiền 600.000.000 đồng. Mặc dù bà T nhận thửa đất 151 canh tác từ ngày 10/5/2018 đến tháng 6 năm 2022 nhưng ông N không có chứng cứ chứng minh bà T thu hoạch một năm 150.000.000 đồng, tổng cộng 03 năm là

450.000.000 đồng mà mức bồi thường hoa lợi trên do ông N tự tính, ước lượng theo mức giá và sản lượng thu hoạch trung bình tại địa phương (năm 2020 nước mặn không thu hoạch được). Người làm chứng Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Ng, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn An T cho biết, năm 2020 nước mặn cây chết không thu hoạch được bà T có trồng cây con thay thế, bà T trả đất cho ông N vào năm 2020. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông N là không có căn cứ về việc bồi thường thiệt hại tiền thu hoạch cây trái là 450.000.000 đồng.

Ngoài ra, việc bà T sử dụng thửa đất 151 trên cơ sở hợp đồng đặt cọc ngày 06/5/2018 nên việc bà chiếm hữu sử dụng thửa đất này là có căn cứ pháp luật. Nguyên đơn cho rằng, bà T tự nguyện chiếm đất sử dụng là không có căn cứ chứng minh, không phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn Ng, người chứng kiến ông N giao đất cho bà T. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông N thừa nhận, khi giao đất cho bà T, hia bên không có thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại tài sản trên đất cũng như hoa lợi thu được trong quá trình sử dụng đất nếu giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thực hiện được.

Đối với chi phí trồng thêm sầu riêng cây con để thay thế sầu riêng đã chết và chi phí cải tạo đất 83.000.000 đồng do bà T bỏ ra nhưng bà không yêu cầu ông nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà T hỗ trợ cho ông N tiền hoa lợi trên đất là 30.000.000 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của ông N không được chấp nhận nhưng ông là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 147 khoản 1 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N.

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N buộc bà Lâm Thị T trả lại phần đất diện tích 2.918,7m² thửa đất 151, tờ bản đồ số 10 tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu ông Lâm Văn N buộc bà Lâm Thị T hoàn trả tiền hoa lợi trên đất 450.000.000 đồng và bồi thường giá trị 22 cây sầu riêng loại A với số tiền 284.922.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị T hỗ trợ cho ông Lâm Văn N tiền hoa lợi trên đất 30.000.000 đồng.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông N được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Ông N phải chịu chi phí tố tụng và đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương